

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Xuân Hường	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019
Ông Nguyễn Đình Khái	Ủy viên	
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Khái	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc và chính thức bỏ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/06/2019
Ông Bùi Xuân Hường	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/06/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trương Thị Nguyệt Hoa	Trưởng ban	
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Tần	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24/05/2019

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đình Khái

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 được lập ngày 10 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 03 năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		242.392.502.054	144.296.457.651
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	54.508.066.731	44.380.472.302
111	1. Tiền		19.508.066.731	20.880.472.302
112	2. Các khoản tương đương tiền		35.000.000.000	23.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		105.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	105.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.189.372.618	35.896.758.095
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	15.619.521.276	32.486.267.349
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.932.025.000	369.637.920
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	730.336.453	3.788.415.723
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(169.597.946)	(810.672.899)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		77.087.835	63.110.002
140	IV. Hàng tồn kho	9	56.087.485.175	59.088.151.652
141	1. Hàng tồn kho		56.087.485.175	59.088.151.652
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.607.577.530	4.931.075.602
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	88.594.580	539.791.838
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.469.720.212	4.391.283.764
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	49.262.738	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		126.788.177.217	95.514.211.183
220	II. Tài sản cố định		87.194.391.444	94.880.085.553
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	81.380.513.744	89.066.207.853
222	- Nguyên giá		141.914.127.499	141.298.524.223
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.533.613.755)	(52.232.316.370)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.813.877.700	5.813.877.700
228	- Nguyên giá		5.813.877.700	5.813.877.700
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		106.866.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	106.866.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		39.486.919.773	634.125.630
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	39.486.919.773	634.125.630
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		369.180.679.271	239.810.668.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		67.493.744.054	58.948.845.489
310	I. Nợ ngắn hạn		67.493.744.054	55.890.044.489
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.567.060.943	20.578.032.420
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		645.711.582	800.947.196
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.440.332.505	9.954.907.828
314	4. Phải trả người lao động		23.801.265.702	10.158.450.653
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.069.883.550	1.193.528.690
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.801.676.409	2.231.699.453
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	8.458.801.000	7.300.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.709.012.363	3.672.478.249
330	II. Nợ dài hạn		-	3.058.801.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	-	3.058.801.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		301.686.935.217	180.861.823.345
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	301.686.935.217	180.861.823.345
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		86.000.000.000	68.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		86.000.000.000	68.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		97.658.827.900	25.748.527.500
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.422.435.451	10.419.268.227
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		103.605.671.866	76.694.027.618
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.883.892.500	17.030.683.130
421b	LNST chưa phân phối năm nay		82.721.779.366	59.663.344.488
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		369.180.679.271	239.810.668.834


Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	423.629.762.214	479.260.266.626
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	12.825.471.468	8.083.201.042
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		410.804.290.746	471.177.065.584
11	4. Giá vốn hàng bán	22	148.763.373.679	173.878.541.548
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		262.040.917.067	297.298.524.036
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	3.019.423.815	2.008.360.124
22	7. Chi phí tài chính	24	2.459.968.811	2.610.947.146
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.165.217.633	1.328.828.318
25	8. Chi phí bán hàng	25	110.840.643.790	153.476.627.265
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	48.323.109.405	41.422.251.478
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		103.436.618.876	101.797.058.271
31	11. Thu nhập khác	27	832.227.236	3.586.647.102
32	12. Chi phí khác	28	693.325.755	3.168.798.369
40	13. Lợi nhuận khác		138.901.481	417.848.733
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		103.575.520.357	102.214.907.004
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	20.853.740.991	22.151.562.516
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		82.721.779.366	80.063.344.488
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	9.410	10.950

Trần Thị Hà Thu

Trần Thị Hà Thu



Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		446.411.224.803	487.756.391.748
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(297.403.978.180)		(305.650.124.235)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(50.187.238.507)		(55.930.852.101)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.204.211.411)		(1.309.704.204)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(20.282.379.790)		(17.672.347.772)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	4.260.801.217		15.867.740.939
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(14.191.965.877)		(42.409.993.152)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		67.402.252.255	80.651.111.223
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(615.603.276)	(17.478.022.727)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	90.808.774
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(151.000.000.000)		(98.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		46.000.000.000	98.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.949.095.048	1.849.962.048
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(102.666.508.228)	(15.537.251.905)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		90.280.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		25.867.220.860	10.250.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(27.767.220.860)	(14.450.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.987.440.050)	(48.099.437.497)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>45.392.559.950</i>	<i>(52.299.437.497)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		10.128.303.977	12.814.421.821
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		44.380.472.302	31.566.050.481
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(709.548)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>54.508.066.731</u>	<u>44.380.472.302</u>

Thủy

Thủy



Trần Thị Hà Thu
Người lập

Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Khải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 (gọi tắt là Công ty) tiền thân là Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4688/2003/QĐ-BYT ngày 01/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty hiện nay hoạt động theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203000632 ngày 01 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 18 tháng 06 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 86.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 86.000.000.000 đồng; tương đương 8.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm, hóa chất, mỹ phẩm, thực phẩm bổ dưỡng;
- Kinh doanh, nuôi trồng, chế biến dược liệu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị y tế.

Cấu trúc doanh nghiệp:

<u>Các đơn vị trực thuộc Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh tại Hà Nội	Ô đất số 6, dãy B, lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng 1 tầng trệt, Lầu 1, 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.
Chi nhánh tại Hải Phòng	Số 16 đường Lê Đại Hành, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí trích trước theo hợp đồng dịch vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động bán hàng chiếm tỷ trọng trên 90% hoạt động của toàn Công ty. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	801.972.960	6.945.604.976
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.706.093.771	13.934.867.326
Các khoản tương đương tiền	35.000.000.000	23.500.000.000
	54.508.066.731	44.380.472.302

Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 35.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 5,5%/năm.

4 . ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Tại ngày 31/12/2019, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 105.000.000.000 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,9%/năm đến 7,0%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Y tế	2.641.637.250	-	6.930.429.560	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Hòa Phát	394.808.796	-	3.210.400.465	-
- Công ty TNHH Đại Bắc	1.509.657.765	-	2.931.563.273	-
- Công ty TNHH Đầu tư Dược phẩm Minh Đức	625.679.567	-	2.657.698.652	-
- Công ty TNHH PAKID Việt Nam	1.064.802.920	-	1.359.691.000	-
- Phải thu khách hàng khác	9.382.934.978	(169.597.946)	15.396.484.399	(810.672.899)
	15.619.521.276	(169.597.946)	32.486.267.349	(810.672.899)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)				
	1.509.657.765	-	2.931.563.273	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	-	-	50.000.000	-
- Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel	1.000.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần Xây lắp Hải Long	4.288.550.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	643.475.000	-	319.637.920	-
	5.932.025.000	-	369.637.920	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.397.260	-	62.068.493	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	37.967.078	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	214.650.442	-	133.716.019	-
- Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel	-	-	1.982.904.000	-
- Phải thu khác	345.321.673	-	1.609.727.211	-
	730.336.453	-	3.788.415.723	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Minh	109.800.000	-	109.800.000	-
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1	59.797.946	-	59.797.946	-
- Các khoản khác	-	-	641.074.953	-
	<u>169.597.946</u>	<u>-</u>	<u>810.672.899</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.740.406.021	-	34.163.712.108	-
Công cụ, dụng cụ	56.970.855	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.125.643.751	-	10.121.350.056	-
Thành phẩm	14.164.464.548	-	14.803.089.488	-
	<u>56.087.485.175</u>	<u>-</u>	<u>59.088.151.652</u>	<u>-</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án Nhà máy Dược phẩm Trung Ương 3 - Trảng Duệ (*)	106.866.000	-
	<u>106.866.000</u>	<u>-</u>

(*) Thông tin chi tiết về dự án xem tại Thuyết minh số 33.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	83.536.513.509	46.280.061.859	7.443.351.888	4.038.596.967	141.298.524.223
- Mua trong năm	-	-	283.858.299	-	283.858.299
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	331.744.977	-	-	-	331.744.977
Số dư cuối năm	83.868.258.486	46.280.061.859	7.727.210.187	4.038.596.967	141.914.127.499
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	15.023.373.621	29.680.775.749	4.753.626.033	2.774.540.967	52.232.316.370
- Khấu hao trong năm	2.745.447.985	4.319.719.170	866.267.095	369.863.135	8.301.297.385
Số dư cuối năm	17.768.821.606	34.000.494.919	5.619.893.128	3.144.404.102	60.533.613.755
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	68.513.139.888	16.599.286.110	2.689.725.855	1.264.056.000	89.066.207.853
Tại ngày cuối năm	66.099.436.880	12.279.566.940	2.107.317.059	894.192.865	81.380.513.744

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 42.389.858.744 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.853.385.535 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại các địa chỉ: Ô đất số 6 dãy B, Lô TT5B, Dự án Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội; Số 90/14 Trần Văn Ôn, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu dân cư Trung Nghĩa, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với nguyên giá lần lượt là 3.057.600.000 đồng; 1.399.472.000 đồng và 1.356.805.700 đồng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn Công ty không trích khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	88.594.580	505.697.698
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	34.094.140
	88.594.580	539.791.838
b) Dài hạn		
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng Dự án Nhà máy Trảng Duệ ^(*)	37.739.988.729	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.746.931.044	634.125.630
	39.486.919.773	634.125.630

(*) Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Trảng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng với diện tích 18.455,5 m² theo Hợp đồng số 102/HĐTĐ&CSHT-TD/2018 ngày 27/12/2018 giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3 và Công ty Cổ phần khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng. Theo đó, thời hạn thuê tính từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/08/2064, Công ty thanh toán tiền thuê cơ sở hạ tầng trả trước một lần cho toàn bộ thời hạn thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược liệu Sơn Tùng	2.633.092.434	2.633.092.434	2.718.875.580	2.718.875.580
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam	1.246.890.000	1.246.890.000	1.439.900.000	1.439.900.000
- Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	1.143.995.963	1.143.995.963	776.414.762	776.414.762
- Nguyễn Thị Thanh	1.276.567.900	1.276.567.900	1.479.651.100	1.479.651.100
- Phải trả các đối tượng khác	8.266.514.646	8.266.514.646	14.163.190.978	14.163.190.978
	14.567.060.943	14.567.060.943	20.578.032.420	20.578.032.420

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	94.896.596	1.094.417.205	916.652.987	-	272.660.814
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	8.282.379.790	20.853.740.991	20.282.379.790	-	8.853.740.991
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.044.458.926	3.381.422.734	4.132.515.589	-	293.366.071
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	51.643.272	100.906.010	49.262.738	-
Các loại thuế khác	-	-	137.179.117	116.614.488	-	20.564.629
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	533.172.516	1.000.000	534.172.516	-	-
	-	9.954.907.828	25.519.403.319	26.083.241.380	49.262.738	9.440.332.505

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	6.797.336	19.124.114
- Chi phí trích trước theo hợp đồng dịch vụ	1.246.776.182	-
- Chi phí phải trả khác	816.310.032	1.174.404.576
	<u><u>2.069.883.550</u></u>	<u><u>1.193.528.690</u></u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	552.112.934	495.615.129
- Kinh phí công đoàn	173.625.496	155.791.635
- Bảo hiểm y tế	35.347.300	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.259.250	117.699.300
- Phải trả lãi vay	-	26.667.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	910.331.429	1.435.926.389
	<u><u>1.801.676.409</u></u>	<u><u>2.231.699.453</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

17 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	4.100.000.000	4.100.000.000	25.867.220.860	24.567.220.860	5.400.000.000	5.400.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	-	-	4.327.220.860	4.327.220.860	-	-
- Vay cá nhân ⁽¹⁾	4.100.000.000	4.100.000.000	21.540.000.000	20.240.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000
+ Đỗ Doãn Đại	100.000.000	100.000.000	1.000.000.000	100.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Bùi Văn Hào	-	-	640.000.000	640.000.000	-	-
+ Bùi Thị Hạt	-	-	4.000.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
+ Nguyễn Đình Thụ	-	-	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-
+ Nguyễn Thị Hoài	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Minh Tâm	-	-	6.300.000.000	6.300.000.000	-	-
+ Nguyễn Mạnh Đăng	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
+ Nguyễn Thị Phương Chi	-	-	4.200.000.000	2.800.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	3.200.000.000	3.200.000.000	3.058.801.000	3.200.000.000	3.058.801.000	3.058.801.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽²⁾	3.200.000.000	3.200.000.000	3.058.801.000	3.200.000.000	3.058.801.000	3.058.801.000
	7.300.000.000	7.300.000.000	28.926.021.860	27.767.220.860	8.458.801.000	8.458.801.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽²⁾	6.258.801.000	6.258.801.000	-	3.200.000.000	3.058.801.000	3.058.801.000
	6.258.801.000	6.258.801.000	-	3.200.000.000	3.058.801.000	3.058.801.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)	(3.058.801.000)	(3.200.000.000)	(3.058.801.000)	(3.058.801.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	3.058.801.000	3.058.801.000				

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay từ cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 0%/năm đến 8%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDDA/NHCT166-DP3 ngày 23 tháng 07 năm 2013 giữa Công ty và Ngân hàng Công thương Việt nam - Chi nhánh Hồng Bàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Các khoản nợ sẽ được bên vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý thuộc dự án xây dựng phân xưởng thuốc đông dược của bên vay;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cơ sở + 6%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.058.801.000 đồng; trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng tới là 3.058.801.000 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ tài sản máy móc thiết bị thực hiện từ dự án.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000	25.788.527.500	8.502.510.381	43.564.308.237	145.855.346.118
Lãi trong năm trước	-	-	-	80.063.344.488	80.063.344.488
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.916.757.846	(45.400.218.830)	(43.483.460.984)
Giảm khác	-	(40.000.000)	-	(1.533.406.277)	(1.573.406.277)
Số dư cuối năm trước	68.000.000.000	25.748.527.500	10.419.268.227	76.694.027.618	180.861.823.345
Số dư đầu năm nay	68.000.000.000	25.748.527.500	10.419.268.227	76.694.027.618	180.861.823.345
Tăng vốn trong năm nay	18.000.000.000	71.910.300.400	-	-	89.910.300.400
Lãi trong năm nay	-	-	-	82.721.779.366	82.721.779.366
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.003.167.224	(55.810.135.118)	(51.806.967.894)
Số dư cuối năm nay	86.000.000.000	97.658.827.900	14.422.435.451	103.605.671.866	301.686.935.217

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 539/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	80.063.344.488
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	4.003.167.224
Trích thù lao Hội đồng quản trị	3,00%	2.401.900.335
Trích thù lao Ban Kiểm soát	1,00%	800.633.445
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7,00%	5.604.434.114
Chi trả cổ tức (50% trên vốn điều lệ 86 tỷ đồng)	53,71%	43.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	30,29%	24.253.209.370

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thông tin chi tiết về việc tăng vốn trong năm 2019 như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 1.800.000 cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 18 tỷ đồng;
- Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cho người lao động và đấu giá ra công chúng thông qua đấu giá tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Đối tượng được phân phối: cổ đông hiện hữu, người lao động và công chúng;
- Ngày đăng ký giao dịch thành công: 14/05/2019;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư xây dựng xưởng sản xuất thuốc, bổ sung vốn kinh doanh;
- Tình hình sử dụng vốn đến 31/12/2019: Đầu tư dự án "Nhà máy Dược phẩm Trung ương 3 - Trảng Duệ" và một phần bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22,07%	18.984.350.000	24,82%	16.874.980.000
Ông Bùi Xuân Hương	6,38%	5.487.200.000	6,98%	4.744.740.000
Ông Đinh Văn Cường	5,58%	4.796.680.000	6,13%	4.165.530.000
Ông Nguyễn Đình Khái	13,89%	11.949.400.000	5,47%	3.720.960.000
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	9,68%	8.323.310.000	5,00%	3.398.500.000
Các cổ đông khác	42,40%	36.459.060.000	51,60%	35.095.290.000
	100%	86.000.000.000	100%	68.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	86.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	68.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	18.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	86.000.000.000	68.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	117.699.300	7.417.136.797
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	43.000.000.000	40.800.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	43.000.000.000	40.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(42.987.440.050)	(48.099.437.497)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(42.987.440.050)	(48.099.437.497)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	130.259.250	117.699.300

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.600.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	6.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.422.435.451	10.419.268.227
	<u>14.422.435.451</u>	<u>10.419.268.227</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà máy sản xuất và chi nhánh. Tổng diện tích các khu đất thuê là 31.182,6 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định pháp lý hiện hành.

Công ty đang thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Lô N1-2 Khu công nghiệp Tràng Duệ, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Thành phố Hải Phòng có diện tích 18.455,5 m². Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 12 - Chi phí trả trước.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	17.271,27	13.395,25

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xóa theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông	641.074.953	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	423.629.762.214	479.260.266.626
	<u>423.629.762.214</u>	<u>479.260.266.626</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>28.278.186.010</u>	<u>27.488.823.500</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.049.728.190	4.148.769.287
Hàng bán bị trả lại	2.774.790.897	3.934.431.755
Giảm giá hàng bán	952.381	-
	<u>12.825.471.468</u>	<u>8.083.201.042</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán, dịch vụ đã cung cấp	148.763.373.679	173.878.541.548
	<u>148.763.373.679</u>	<u>173.878.541.548</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.019.423.815	1.912.030.541
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	3.000.536
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	93.329.047
	<u>3.019.423.815</u>	<u>2.008.360.124</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.165.217.633	1.328.828.318
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.265.217.651	1.282.118.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	28.823.979	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	709.548	-
	<u>2.459.968.811</u>	<u>2.610.947.146</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.325.613	256.590.242
Chi phí nhân công	20.262.327.529	19.718.814.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	238.817.036	201.808.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.953.894.898	126.074.954.671
Chi phí khác bằng tiền	5.852.278.714	7.224.459.273
	<u>110.840.643.790</u>	<u>153.476.627.265</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.447.019.380	1.170.971.724
Chi phí nhân công	33.135.539.715	24.954.762.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.304.923.054	2.054.790.180
Thuế, phí, lệ phí	362.760.626	558.431.518
Chi phí dự phòng	-	4.576.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.546.869.110	6.933.185.038
Chi phí khác bằng tiền	3.525.997.520	1.173.510.401
	48.323.109.405	41.422.251.478

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	19.056.696
Thu nhập từ tiền cho thuê nhà xe, gửi xe, điện nước	767.663.956	3.562.542.324
Thu nhập khác	64.563.280	5.048.082
	832.227.236	3.586.647.102

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	20.962.366
Các khoản bị phạt	7.697.694	1.196.133.995
Xử lý tài sản thừa	63.110.002	84.565.350
Chi phí dự án Xây nhà xưởng nang mềm không được cấp phép	-	1.036.234.260
Chi phí khác	622.518.059	830.902.398
	693.325.755	3.168.798.369

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	103.575.520.357	102.214.907.004
Các khoản điều chỉnh tăng	693.184.596	3.116.037.530
- Chi phí không hợp lệ	693.184.596	3.116.037.530
Thu nhập chịu thuế TNDN	104.268.704.953	105.330.944.534
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	20.853.740.991	21.066.188.907
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	1.085.373.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	8.282.379.790	3.803.165.046
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(20.282.379.790)	(17.672.347.772)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	8.853.740.991	8.282.379.790
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	20.853.740.991	22.151.562.516

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	82.721.779.366	80.063.344.488
Các khoản điều chỉnh:		
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(5.790.524.555)	(5.604.434.114)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	76.931.254.811	74.458.910.374
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.175.890	6.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.410	10.950

Công ty dự tính trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 với giá định tỷ lệ trích lập không đổi so với năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 là 7% lợi nhuận sau thuế.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.040.001.365	140.004.991.388
Chi phí nhân công	69.073.235.381	60.015.847.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.301.297.385	8.093.332.714
Chi phí dự phòng	-	4.576.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.062.012.078	138.193.133.349
Chi phí khác bằng tiền	15.731.758.609	15.749.584.712
	305.208.304.818	366.633.490.102

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.508.066.731	-	44.380.472.302	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.349.857.729	(169.597.946)	36.274.683.072	(810.672.899)
Các khoản cho vay	105.000.000.000	-	-	-
	175.857.924.460	(169.597.946)	80.655.155.374	(810.672.899)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	8.458.801.000	10.358.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	16.368.737.352	22.809.731.873
Chi phí phải trả	2.069.883.550	1.193.528.690
	26.897.421.902	34.362.061.563

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.508.066.731	-	-	54.508.066.731
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.180.259.783	-	-	16.180.259.783
Các khoản cho vay	105.000.000.000	-	-	105.000.000.000
	<u>175.688.326.514</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>175.688.326.514</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.380.472.302	-	-	44.380.472.302
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.464.010.173	-	-	35.464.010.173
	<u>79.844.482.475</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>79.844.482.475</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	8.458.801.000	-	-	8.458.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	16.368.737.352	-	-	16.368.737.352
Chi phí phải trả	2.069.883.550	-	-	2.069.883.550
	<u>26.897.421.902</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.897.421.902</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	7.300.000.000	3.058.801.000	-	10.358.801.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.809.731.873	-	-	22.809.731.873
Chi phí phải trả	1.193.528.690	-	-	1.193.528.690
	<u>31.303.260.563</u>	<u>3.058.801.000</u>	<u>-</u>	<u>34.362.061.563</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 539/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2019 và tờ trình số 475/TTr-HĐQT ngày 06/05/2019 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty chủ trương đầu tư xây dựng dự án "Nhà máy Dược phẩm Trung ương 3 - Trảng Duệ" tại Lô N1-2, Khu công nghiệp Trảng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Xã Hồng Phong, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 6483048176 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp ngày 09/07/2019, mục tiêu thực hiện dự án là xây dựng nhà máy sản xuất thuốc, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất hóa - mỹ phẩm với quy mô đầu tư 18.455,5 m². Tổng vốn đầu tư dự án là 435 tỷ đồng, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Dự án được tiến hành theo từng giai đoạn và bắt đầu từ năm 2019 với phương thức Công ty tự chủ động đầu tư và có thể tìm kiếm đối tác liên doanh toàn phần hoặc từng phần.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch và số dư tại thời điểm cuối năm với Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Ông Bùi Xuân Hương	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Đình Khải	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Cường	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Ủy viên HĐQT đến ngày 24/05/2019
Công ty TNHH Đại Bắc	Công ty do ủy viên HĐQT Công ty - Ông Nguyễn Hữu Dũng làm Giám đốc (Không còn là Bên liên quan từ ngày 24/05/2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3

Số 16 đường Lê Đại Hành, Phường Minh Khai,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu	28.278.186.010	27.488.823.500
Công ty TNHH Đại Bắc	28.278.186.010	27.488.823.500
Nhận vốn góp	49.963.435.200	-
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	5.568.736.800	-
Ông Bùi Xuân Hương	1.960.094.400	-
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	37.121.498.400	-
Ông Nguyễn Đình Khái	1.518.290.400	-
Ông Đinh Văn Cường	1.666.236.000	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	799.788.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	1.005.470.400	-
Công ty TNHH Đại Bắc	323.320.800	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu khách hàng	1.509.657.765	2.931.563.273
Công ty TNHH Đại Bắc	1.509.657.765	2.931.563.273

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.064.509.070	1.204.190.940
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.871.511.115	1.573.665.220

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam kiểm toán.



Trần Thị Hà Thu
Người lập



Trần Thị Hà Thu
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Khái
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2020